

Số: 2219404

|                                            | Kia Sorento 2.2D Luxury | Mazda CX-5 2.0L Premium Sport |
|--------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>939.000.000đ</b>     | <b>849.000.000đ</b>           |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                         |                               |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810x1900x1700          | 4590 x 1845 x 1680            |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                    | 2700                          |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                    | 5500                          |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                     | 200                           |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1810                    | 1550                          |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2440                    | 2000                          |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                     | 442                           |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                      | 56                            |
| Số chỗ ngồi                                | 7                       | 5                             |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | SX-LR trong nước              |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                         |                               |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2        | 2.0L Skyactive - G            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                    | 1998                          |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                | 154 / 6000                    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750           | 200 / 4000                    |
| Hộp số                                     | 8-DCT                   | 6AT                           |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)               |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson               | Độc lập Mc Pherson            |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm        | Liên kết đa điểm              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                           |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                     | Đĩa                           |
| Thông số lốp xe                            | 235/60R18               | 225/55 R19                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7,2                     | 8.6                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5                       | 6.1                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5,8                     | 7                             |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart | Normal / Sport                |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                         |                               |
| Cụm đèn trước                              | LED                     | LED                           |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                       | ●                             |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                             |
| Đèn sương mù                               | LED                     | LED                           |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | LED                           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | Sấy gương                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                       | ●                             |
| Cửa sổ trời                                | -                       | ●                             |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                         |                               |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                             |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da                            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                       | ●                             |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                       |                               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                             |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2"                    | Analog & Digital              |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 10.25"              | 8"                            |

|                                         |             |                |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●           | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●           | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2 vùng      | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●           | ●              |
| Chìa khóa thông minh                    | ●           | ●              |
| Khởi động nút bấm                       | ●           | ●              |
| Khởi động từ xa                         | ●           |                |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa       | 10 loa Bose    |
| Lấy chuyển số                           | ●           | ●              |
| Sạc không dây Qi                        | ●           |                |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●           | -              |
| Rèm che nắng                            | ●           |                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | -           | ●              |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |             |                |
| Số túi khí                              | 6           | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●           | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●           | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●           | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●           | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm            | ●           | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●           |                |
| Camera lùi                              | ●           | ● (Camera 360) |